

Phần 1 :Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 17.2 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 17.1 E-CDNT;

2. Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu.

3. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể, ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm của thành viên đại diện liên danh sử dụng chứng thư số của mình để tham dự thầu, thực hiện bảo đảm dự thầu;

Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh, thỏa thuận liên danh thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu, thỏa thuận liên danh để đánh giá.

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định dưới đây, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt:

Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt thực hiện theo Mẫu số 04A Chương

IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Tiêu chuẩn đánh giá về thiết bị thi công thực hiện theo Mẫu số 04B Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống.

Ghi chú: Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 16 Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cụ thể gồm 7 tiêu chuẩn đánh giá chi tiết, được nêu tại Bảng 1 dưới đây:

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng B cấp:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Bảng chào vật tư, thiết bị B cấp.	Có bảng chào đầy đủ thông tin chủng loại, quy cách kỹ thuật chính, nguồn gốc, xuất xứ của các VTTB B cấp theo yêu cầu tại Mẫu số 09(c) – Chương V của E-HSMT.	Đạt
	Không thuộc trường hợp nêu trên.	Không đạt
1.2. Các vật tư, thiết bị B cấp có đánh dấu (*) ở cột Ghi chú theo Mẫu số 09(c) Chương V của E-HSMT	Có chào đặc tính kỹ thuật và yêu cầu thử nghiệm cho danh mục vật tư, thiết bị B cấp, có cung cấp đầy đủ biên bản thử nghiệm của vật tư, thiết bị.	Đạt
	Có chào đặc tính kỹ thuật và yêu cầu thử nghiệm cho danh mục vật tư, thiết bị B cấp, có cung cấp biên bản thử nghiệm của vật tư, thiết bị nhưng còn thiếu hạng mục thử nghiệm, của một số vật tư, thiết bị và có cam kết cung cấp đầy đủ trong trường hợp trúng thầu.	Chấp nhận được
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt
1.3. Các loại vật tư thiết bị B cấp có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo mới 100% chưa qua sử dụng.	Nhà thầu có văn bản cam kết đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Không thuộc trường hợp nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.3 được xác định là đạt, và tiêu chuẩn chi tiết 1.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, bố trí rào chắn, biển báo, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng nhưng thiếu giải pháp kỹ thuật về kho bãi tập kết vật tư.	Chấp nhận được
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt
2. Thi công:	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 2 được xác định là đạt, và tiêu chuẩn chi tiết 1 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Đề xuất biện pháp tổ chức thi công đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật:	Có biện pháp tổ chức thi công các công việc của gói thầu, từ khâu chuẩn bị đến thực hiện hoàn tất, nghiệm thu hoàn thành công việc. Có bảng kế hoạch tiến độ chi tiết thực hiện công việc, trong đó mô tả chi tiết khoảng thời gian thực hiện từng công việc/nhóm công việc; số lượng, chủng loại phương tiện, dụng cụ thi công, số lượng nhân lực cần huy động. Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công.	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt
2. Quản lý nhân sự trên công trường.	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường, ghi rõ trách nhiệm cá nhân, bộ phận quản lý kỹ thuật, vật tư, thiết bị, an toàn lao động, vệ sinh môi trường	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt
3. Mô tả các mặt công tác chuẩn bị thi công, bao gồm cả công tác xin phép xây dựng (nếu có), thông báo	Có mô tả chi tiết rõ ràng, đầy đủ và đáp ứng.	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
với chính quyền địa phương, đơn vị cơ sở, phối hợp với các bên liên quan (nếu có) ...		
Kết luận:	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Tiến độ thi công:	Đề xuất tiến độ thi công đáp ứng yêu cầu trong E-HSMT.	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt
2. Tiến độ thi công phù hợp với huy động máy móc thiết bị và nhân lực thi công công trình.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi.	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt
3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công:	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt
2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên vật liệu, vật tư thiết bị đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng	
1. An toàn lao động			
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt	
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt	
2. Phòng cháy, chữa cháy			
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt	
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt	
3. Vệ sinh môi trường			
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt	
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt	
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt	
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt	

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng	
1. Bảo hành			
Thời gian bảo hành công trình.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 36 tháng.	Đạt	
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt	
2. Uy tín của nhà thầu			
(1). Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự	Nhà thầu có cung cấp văn bản cam kết với các nội dung sau:	Đạt	

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó: - Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo khoản 1 điều 19 của NĐ 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025. - Thông tin về uy tín nhà thầu được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia theo quy định tại khoản 1 điều 20 của NĐ 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025.	- Cam kết có uy tín trong việc tham dự thầu (không có các trường hợp sau: không thương thảo hợp đồng; có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó. Thời gian cam kết là trong 01 năm gần đây (365 ngày) tính đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu được thành lập chưa đến 01 năm (365 ngày) tính đến thời điểm đóng thầu thì thời gian cam kết là từ ngày thành lập đến thời điểm đóng thầu. * Trường hợp trong E-HSDT không có văn bản cam kết, nhà thầu được bổ sung một lần theo yêu cầu của Bên mời thầu. * Trường hợp nhà thầu cam kết không trung thực nhằm thu hút lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào thì bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu	
	Không thuộc trường hợp nêu trên (sau khi đã được được yêu cầu bổ sung một lần nếu trong hồ sơ dự thầu không có văn bản cam kết).	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6,7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6,7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.